

Số: **337** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **12** tháng **01** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 68/TTr-SLĐTBXH ngày 06/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn thành phố Hà Nội, như sau:

1. Tổng số hộ nghèo: 2.134 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo: 0,095%.
2. Tổng số hộ cận nghèo: 22.263 hộ. Tỷ lệ hộ cận nghèo: 0,99%.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)



Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và an sinh xã hội của thành phố Hà Nội năm 2023 và các năm tiếp theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tập trung ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo không có khả năng lao động, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố

- Trên cơ sở số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội và giảm nghèo năm 2023 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tham mưu các chính sách, giải pháp nhằm giảm mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo bền vững, hạn chế tối đa hộ nghèo phát sinh, không để hộ tái nghèo. Năm 2023, phấn đấu giảm 30% số hộ nghèo so với cuối năm 2022.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn thực hiện.

- Chỉ đạo hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

+ Thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản liên quan.

+ Chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm hướng dẫn hộ gia đình phối hợp thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

+ Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình của địa phương.

+ Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và thực hiện các chính sách giảm nghèo.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và việc thực hiện các chính sách hỗ trợ tại các địa phương đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, đúng quy định.

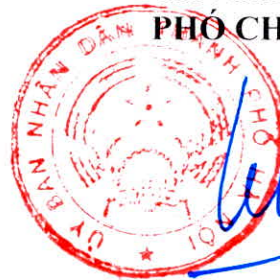
Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận 

- Như Điều 4;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố Hà Nội;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có MSTB của Thành phố;
- Báo Hà Nội Mới, Báo Kinh tế và Đô thị, Đài PT&TH Hà Nội, Cổng TT điện tử TP, Trung tâm THCB Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVPP.T.T.Huyện, phòng KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVXNgọc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn



PHỤ LỤC
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CUỐI NĂM 2022 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~337~~ /QĐ-UBND ngày 12 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Quận, huyện, thị xã	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
		Số hộ nghèo	Nhân khẩu	Tỷ lệ	Số hộ cận nghèo	Nhân khẩu	Tỷ lệ
I	THÀNH THỊ	06	18	0,001%	1.078	3.001	0,11%
1	Ba Đình	0	0	0%	0	0	0%
2	Bắc Từ Liêm	0	0	0%	82	232	0,07%
3	Cầu Giấy	0	0	0%	0	0	0%
4	Đống Đa	0	0	0%	191	487	0,18%
5	Hà Đông	0	0	0%	156	461	0,15%
6	Hai Bà Trưng	0	0	0%	0	0	0%
7	Hoàn Kiếm	0	0	0%	69	140	0,18%
8	Hoàng Mai	06	18	0,004%	122	338	0,09%
9	Long Biên	0	0	0%	190	542	0,21%
10	Nam Từ Liêm	0	0	0%	244	738	0,37%
11	Thanh Xuân	0	0	0%	18	51	0,02%
12	Tây Hồ	0	0	0%	06	12	0,01%
II	NÔNG THÔN	2.128	6.267	0,17%	21.185	58.267	1,72%
13	Sơn Tây	22	64	0,06%	371	1.062	0,96%
14	Ba Vì	436	1.063	0,57%	1.894	5.277	2,49%
15	Chương Mỹ	227	715	0,27%	1.725	5.065	2,05%
16	Đan Phượng	0	0	0%	722	2.376	1,52%
17	Đông Anh	0	0	0%	679	1.909	0,66%
18	Gia Lâm	0	0	0%	255	618	0,32%
19	Hoài Đức	0	0	0%	937	2.297	1,23%
20	Mê Linh	20	61	0,03%	1.168	3.042	1,95%
21	Mỹ Đức	199	717	0,33%	1.599	5.247	2,69%
22	Phú Xuyên	168	502	0,24%	1.934	4.409	2,77%
23	Phúc Thọ	299	863	0,57%	1.156	3.514	2,20%
24	Quốc Oai	45	105	0,08%	1.094	3.088	2,05%
25	Sóc Sơn	290	791	0,33%	1.453	4.250	1,63%
26	Thạch Thất	66	185	0,11%	1.981	4.501	3,36%
27	Thanh Oai	141	493	0,22%	819	2.330	1,26%
28	Thanh Trì	0	0	0%	505	1.304	0,59%
29	Thường Tín	169	559	0,22%	1.007	3.074	1,32%
30	Ứng Hoà	46	149	0,08%	1.886	4.904	3,22%
	TỔNG	2.134	6.285	0,095%	22.263	61.268	0,99%

PHỐ HÀ